

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 30/6/2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH HÒA BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Vũ Hải Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Vinh; Bà Nguyễn Thanh Loan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Đỗ Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện L, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa:

Nguyên đơn: anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1985. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: chị Bùi Thị Thanh Nh, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn H, xã Kh, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã Ph, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/3/2025, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn Đ trình bày:

- *Về hôn nhân:* anh Bùi Văn Đ và cô Bùi Thị Thanh Nh kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kh, huyện L, tỉnh Hòa Bình vào ngày 03/10/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh Đ tại thôn H, xã Kh, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc, sau đó thì nảy sinh mâu

thuần, đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do trong cuộc sống chung vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống trong xây dựng kinh tế gia đình, hôn nhân không hòa hợp nên anh Đ đã sống ly thân với cô Nh từ năm 2018 cho đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, nên anh Đ kiện ra tòa xin được ly hôn với cô Bùi Thị Thanh Nh.

- *Về con chung*: anh Bùi Văn Đ và cô Bùi Thị Thanh Nh có với nhau 01 con chung là Bùi Việt A, sinh ngày 06/7/2014, anh Đ có nguyện vọng được quyền nuôi con chung, chưa yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn chị Bùi Thị Thanh Nh: Đã được Tòa án nhân dân huyện L triệu tập họp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị Bùi Thị Thanh Nh vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi được lời khai và vụ án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị Bùi Thị Thanh Nh vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Quá trình điều tra xác minh từ mẹ đẻ của chị Bùi Thị Thanh Nh về nguyên nhân phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn thể hiện: Trong cuộc sống chung vợ chồng anh Đ, chị Nh xảy ra nhiều mâu thuẫn mà không hàn gắn được. Từ năm 2018 chị Nh và anh Đ đã sống ly thân. Chị Nh đi làm, thỉnh thoảng có liên hệ với gia đình nhưng không nói đang làm gì, ở đâu.

Xác minh tại nơi công an xã Kh, huyện L, tỉnh Hòa Bình: Chị Nh hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Kh, huyện Lạc Th, tỉnh Hòa Bình.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- *Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn*:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, điều 71 của BLTTDS. Đối với bị đơn: Chị Bùi Thị Thanh Nh mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, như vậy chị Bùi Thị Thanh Nh đã từ bỏ quyền của mình quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS. Tòa án tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập họp lệ theo đúng quy định tại Điều 177; Điều 179 BLTTDS. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên vụ án được xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 BLTTDS.

Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Nh mâu thuẫn đã lâu, không còn quan tâm

đến nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn và giải quyết cho anh Bùi Văn Đ được ly hôn với chị Bùi Thị Thanh Nh.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD giao con chung là cháu Bùi Việt A, sinh ngày 06/7/2014 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đ chưa yêu cầu chị Nhàn cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Đ khai không có, không yêu cầu giải quyết; trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh cố tình không đến nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Kh, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn là anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị Thanh Nh đã được triệu tập hợp lệ để ghi lời khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã xác minh tại gia đình và nơi cư trú của chị Bùi Thị Thanh Nh, tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Bùi Thị Thanh Nh vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Bùi Thị Thanh Nh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS là phù hợp.

[3]. Về nội dung vụ án:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Bùi Văn Đ và chị Bùi Thị Thanh Nh kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kh, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị Nh là tự nguyện, hợp pháp. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu nảy sinh. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong xây dựng kinh tế gia đình, hôn nhân không hòa hợp, anh Đ và chị Nh không còn chăm sóc nhau nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa anh Đ và chị Nh không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ có nguyện vọng xin được ly hôn để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** Anh Đ và chị Nh có 01 con chung là Bùi Việt A, sinh ngày 06/7/2014. Anh Đ vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nay ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng; Cháu Việt A có nguyện vọng ở cùng anh Đ vậy nên giao cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*** Về tài sản chung, công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4]. Về án phí: Anh Bùi Văn Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; Điều 179; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho anh Bùi Văn Đ được ly hôn với chị Bùi Thị Thanh Nh.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Việt A, sinh ngày 06/7/2014 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Bùi Thị Thanh Nh được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ chưa yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002065 ngày 15/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện L;
- Chi cục thi hành án DS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã Kh
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Hải Dương

